

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm và ông Lương Tấn Nghi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Ý - Thư ký TAND huyện T, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 312/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Lâm Thị Thu T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** **Võ Đông S**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lâm Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu T và ông Võ Đông S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn P), huyện T vào ngày 19/3/2008. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Huỳnh Ánh T1, sinh ngày 09/8/2008. Khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn ông Võ Đông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự; chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông S; Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lâm Thị Thu T và bị đơn Võ Đông S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn P), huyện T vào ngày 19/3/2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm ai. Sự việc nêu trên có xác nhận của Trưởng khu phố P và Ủy ban nhân dân thị trấn P. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Võ Huỳnh Ánh T1, sinh ngày 09/8/2008. Xét thấy, cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ; lâu nay do nguyên đơn nuôi dưỡng, đã quen sống cùng nguyên đơn. Để tạo điều kiện cho cháu T1 phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần tiếp tục giao cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nên không xét.

[2.3] Về tài sản: Dương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị Thu Thảo

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Lâm Thị Thu T được ly hôn với bị đơn Võ Đông S.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Võ Huỳnh Ánh T1, sinh ngày 09/8/2008 cho nguyên đơn Lâm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Võ Đông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Lâm Thị Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001125 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn Phú Thứ
(GCNKH số 28 ngày 19/3/2008);
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Mộng Tuyền